

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục đại học thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục đại học thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2025.

Bãi bỏ các nội dung liên quan đến công bố thủ tục Mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ tại Quyết định số 1134/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực giáo dục đại học thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các cơ sở giáo dục đại học;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDĐH, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Minh Sơn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Công bố kèm theo Quyết định số 4062/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi,
chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.010900	Mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiền sĩ	Thông tư số 02/2022/TT- BGDDĐT ngày 18/01/2022; Thông tư số 12/2024/TT- BGDDĐT ngày 10/10/2024	Giáo dục đại học	Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Chú thích: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.)

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

I. Lĩnh vực giáo dục đại học

1. Mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ

1.1. Trình tự thực hiện

Đối với các cơ sở giáo dục đại học; các cơ sở giáo dục khác được phép đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; viện hàn lâm, viện do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành (trừ các đơn vị thuộc các đại học), hoặc trong thời hạn không được tự chủ mở

ngành đào tạo do vi phạm quy định đến mức không được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác có liên quan của pháp luật hoặc đối với việc mở các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên, lĩnh vực An ninh, quốc phòng, thực hiện như sau:

a) Cơ sở đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ mở ngành đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hình thức gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; trong trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định việc tổ chức đoàn kiểm tra thực tế các điều kiện bảo đảm chất lượng tại cơ sở đào tạo. Riêng đối với mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, Bộ Giáo dục và Đào tạo lấy ý kiến (bằng văn bản) của Bộ Y tế về nhu cầu nhân lực ngành đề xuất mở và các điều kiện về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe theo quy định của Chính phủ;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành của cơ sở đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép mở ngành đào tạo, nếu hồ sơ mở ngành của cơ sở đào tạo đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT); *Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT)* và các quy định khác có liên quan của pháp luật. *Trường hợp hồ sơ mở ngành của cơ sở đào tạo chưa đầy đủ, chưa bảo đảm các điều kiện để được mở ngành theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả bằng văn bản về tình trạng hồ sơ và những nội dung chưa bảo đảm theo quy định đối với cơ sở đào tạo.*

1.2. Cách thức thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Qua đường bưu điện;
- c) Qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Đề án mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT;

c) Công văn của đại học chấp thuận về mặt chủ trương (đối với các đơn vị thành viên thuộc đại học khi mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành (đủ hồ sơ hợp lệ) của cơ sở đào tạo.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở đào tạo chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành (trừ các đơn vị thuộc các đại học), hoặc trong thời hạn không được tự chủ mở ngành đào tạo do vi phạm quy định đến mức không được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác có liên quan của pháp luật hoặc đối với việc mở các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên, lĩnh vực An ninh, quốc phòng.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan/Người có thẩm quyền: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- c) Cơ quan, đơn vị được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Vụ Giáo dục Đại học;
- d) Cơ quan phối hợp thực hiện: Bộ Y tế (*đối với mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe*).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cho phép mở ngành đào tạo trình độ đại học hoặc trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ.

1.8. Phí, lệ phí: không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: .

Mẫu xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1.10.1. Điều kiện chung

Cơ sở đào tạo phải đáp ứng điều kiện chung khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ, bao gồm:

- a) Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

- Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo;

- Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ); việc đề xuất bổ sung ngành mới vào Danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo Thông tư quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

b) Về đội ngũ giảng viên

- Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại *Phụ lục I* ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT), giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo;

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định sau:

+ Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo;

+ Riêng ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể

thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo.

- Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có *giấy phép hành nghề* khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

- *Giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo phải là giảng viên cơ hữu không quá tuổi nghỉ hưu tối đa theo quy định của Chính phủ về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập; hằng năm trực tiếp giảng dạy trọn vẹn một số học phần bắt buộc hoặc hướng dẫn chính luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trong chương trình đào tạo.*

c) Về cơ sở vật chất

- Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT;

- Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học;

- Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài *cơ sở đào tạo* phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

- Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy

cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc cơ sở đào tạo phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

- Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

d) Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

đ) Cơ sở đào tạo đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

e) Cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

g) Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo. Trong trường hợp cơ sở đào tạo chưa có hội đồng trường phải có văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo.

h) Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ, thạc sĩ đối với một ngành đào tạo trình độ thấp hơn phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Cùng tên với ngành đào tạo hoặc đáp ứng quy định trong chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành tương ứng: Có căn cứ khoa học và thực tiễn và được Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xác định là ngành có nền tảng chuyên môn gần nhất đối với ngành đào tạo, được phần lớn người tốt nghiệp ngành đào tạo lựa chọn khi học lên trình độ cao hơn;

- Được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận dựa trên ý kiến của Hội đồng tư vấn chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập.

i) Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo cùng trình độ phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Cùng tên với ngành đào tạo hoặc đáp ứng quy định trong chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành tương ứng: Có căn cứ khoa học và thực tiễn và được Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xác định là ngành có cùng nền tảng chuyên môn và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo;

- Được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận dựa trên ý kiến của Hội đồng tư vấn chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập.

1.10.2. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

Cơ sở đào tạo mở ngành đào tạo trình độ đại học phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành đào tạo tại mục 1.10.1 và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

a) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

b) Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT), phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp.

c) Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo

viên (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

d) Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và bảo đảm các điều kiện cụ thể về giảng viên đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Bảng 1, *Phụ lục II* ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

đ) Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

e) Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và phải bảo đảm các điều kiện cụ thể về phòng thí nghiệm, thực hành đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Bảng 2, *Phụ lục II* ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

f) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam và các ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, cơ sở đào tạo xây dựng Đề án mở ngành đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và quyết định trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập.

i) Giảng viên có chuyên môn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT là giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn quy định trong chuẩn chương trình đào tạo và một trong các yêu cầu sau:

- Có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ ngành phù hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ thuộc ngành được Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xác định phù hợp để chủ trì giảng dạy ít nhất 02 học phần cốt lõi trong một thành phần của chương trình đào tạo, đồng thời đã có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy trọn vẹn các học phần đó.

1.10.3. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Cơ sở đào tạo mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành tại mục 1.10.1 và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

a) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

b) Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.

c) Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Có kinh nghiệm trong tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan tới ngành đào tạo, đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là ngành phù hợp đối với một ngành đã đào tạo và cấp bằng ở trình độ đại học;

- Trong 05 năm gần nhất, số giảng viên quy định tại khoản 1 Điều 5 đã có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy trên 50% số học phần trong chương trình đào tạo; đồng thời đã công bố tổng số ít nhất 20 bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí khoa học được Hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm cho ngành đào tạo, với vai trò là tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ.

1.10.4. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Cơ sở đào tạo mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Mục 1.10.1 và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

a) Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

b) Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo, trong đó phải có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.

c) Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) *Có kinh nghiệm trong tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan tới ngành đào tạo, đáp ứng một trong các điều kiện sau:*

- *Ngành đào tạo trình độ tiến sĩ là ngành phù hợp đối với một ngành đã đào tạo và cấp bằng ở trình độ thạc sĩ;*

- *Trong 05 năm gần nhất, số giảng viên quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT đã tham gia hướng dẫn 05 luận án tiến sĩ thuộc ngành đào tạo được bảo vệ thành công (tại một cơ sở đào tạo khác); đồng thời đã công bố tổng số ít nhất 50 bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí khoa học được Hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm cho ngành đào tạo, với vai trò là tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ.*

đ) *Đạt các tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học áp dụng cho cơ sở đào tạo tiến sĩ bao gồm:*

- *Tiêu chí 2.3 về tỉ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ;*

- *Tiêu chí 6.1 về tỉ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ (trừ các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an);*

- Tiêu chí 6.2 về số lượng công bố khoa học và công nghệ tính bình quân trên một giảng viên toàn thời gian.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

b) Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

(Chú thích: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.)

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT

(Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bảng 1. Ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực Nghệ thuật

STT	Tên ngành
	Mỹ thuật
1	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật
2	Hội họa
3	Đồ họa
4	Điêu khắc
5	Gốm
	Nghệ thuật trình diễn
6	Âm nhạc học
7	Sáng tác âm nhạc
8	Chỉ huy âm nhạc
9	Thanh nhạc
10	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
11	Piano
12	Nhạc Jazz
13	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
14	Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu
15	Biên kịch sân khấu
16	Diễn viên sân khấu kịch hát
17	Đạo diễn sân khấu
18	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình
19	Biên kịch điện ảnh, truyền hình
20	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình

STT	Tên ngành
21	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình
22	Quay phim
23	Lý luận, lịch sử và phê bình múa
24	Diễn viên múa
25	Biên đạo múa
26	Huấn luyện múa
	Nghệ thuật nghe nhìn
27	Nhiếp ảnh
28	Công nghệ điện ảnh, truyền hình
	Mỹ thuật ứng dụng
29	Thiết kế đồ họa
30	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh

Bảng 2. Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực Nghệ thuật

STT	Tên ngành
	Mỹ thuật
1	Lý luận và lịch sử mỹ thuật
2	Mỹ thuật tạo hình
	Nghệ thuật trình diễn
3	Âm nhạc học
4	Nghệ thuật âm nhạc
5	Lý luận và lịch sử sân khấu
6	Nghệ thuật sân khấu
7	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình
8	Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình
	Mỹ thuật ứng dụng
9	Thiết kế đồ họa

STT	Tên ngành
10	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh

Bảng 3. Ngành đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc lĩnh vực Nghệ thuật

STT	Tên ngành
	Mỹ thuật
1	Lý luận và lịch sử mỹ thuật
	Nghệ thuật trình diễn
2	Âm nhạc học
3	Lý luận và lịch sử sân khấu
4	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình

**ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ
VỀ GIẢNG VIÊN VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH PHỤC VỤ
ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHỎE**

(Theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bảng 2 được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**BẢNG 1. SỐ LƯỢNG VÀ CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA
GIẢNG VIÊN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỐI VỚI TỪNG NGÀNH ĐÀO TẠO
THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHỎE**

STT	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo của giảng viên trình độ tiến sĩ	Ngành đào tạo dự kiến mở				
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học dự phòng	Dược học
		Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ
1	Khoa học y sinh	2	2	2	2	1
2	Ngoại khoa	2	1	1	1	-
3	Nội khoa	2	1	1	1	1
4	Nhi khoa	1	1	1	1	-
5	Y học dự phòng/Y tế công cộng	1	1	1	6	-
6	Sản phụ khoa	1	1	-	1	-
7	Chuyên khoa nội (trừ ngành Nội khoa và Nhi khoa)	3	-	-	-	-
8	Chuyên khoa ngoại (trừ Ngoại khoa và Sản phụ khoa)	3	-	-	-	-

STT	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo của giảng viên trình độ tiến sĩ	Ngành đào tạo dự kiến mở				
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học dự phòng	Dược học
		Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ
9	Y học cổ truyền	-	5		-	-
10	Răng Hàm Mặt	-	-	6	-	-
11	Ngành thuộc các môn cơ sở ngành Dược	-	-	-	-	2
12	Ngành thuộc nhóm ngành Dược học	-	-	-	-	7

**BẢNG 2. CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH PHỤC VỤ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI TỪNG NGÀNH ĐÀO TẠO
THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHỎE**

(Được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở									
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học phòng ngừa	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học
1	Sinh học và di truyền y học	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X
2	Lý sinh	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X
3	Sinh lý	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X
4	Hóa học	X	X	X	X	X	X	-	X	X	-
5	Hóa sinh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Giải phẫu	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X
7	Vị sinh - Ký sinh trùng	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-
8	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-
9	Dược lý	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-
10	Điều dưỡng cơ bản	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X
11	Giải phẫu bệnh	X	X	X	X	X	X	-	-	X	-
12	Mô phổi	X	X	X	X	-	-	-	-	-	-

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
13	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	X	-	X	X	-	-	-	-	-	-	X
14	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	X	-	-	X	X	X	-	-	-	-	X
15	Thực vật dược	-	X	-	-	-	-	X	-	-	-	-
16	Dinh dưỡng tiết chế	-	-	-	-	X	X	-	-	-	-	X
17	Y học cổ truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Hộ sinh cơ bản	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-	-
19	Hóa đại cương vô cơ	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-
20	Hóa hữu cơ	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
21	Hóa phân tích	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
22	Giải phẫu - Sinh lý	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
23	Sinh học	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
24	Vật lý	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	X
25	Dược liệu	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
26	Hóa Dược	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
27	Dược học cổ truyền	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
28	Bảo chế	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở															
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dị ứng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng					
	thuật hàm mặt, Labo răng giả)																
37	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về: chăm sóc sức khỏe bệnh nội khoa, chăm sóc sức khỏe ngoại khoa, chăm sóc sức khỏe phụ nữ-bà mẹ và gia đình, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng)	-	-	-	-	X	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Trung tâm tiên lâm sàng/Trung tâm thực hành kỹ năng Sản-Phụ khoa-Kế hoạch hóa gia đình (các phòng thực hành về: chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén- chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ; chăm sóc	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-	-	-	-

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học phòng ngừa	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
	hành Vận động trị liệu; Thực hành Điện trị liệu. - Các phòng thực hành Hoạt động trị liệu: thực hành các hoạt động sinh hoạt hàng ngày, thực hành làm nẹp và dụng cụ trợ giúp. - Các phòng thực hành Ngôn ngữ trị liệu: thực hành các kỹ thuật can thiệp cho người lớn, thực hành các kỹ thuật can thiệp cho trẻ em.											
41	Huyết học	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-
42	Vi sinh	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-
43	Ký sinh trùng	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-
44	Sinh học phân tử	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-
45	Xét nghiệm tế bào	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MẪU XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ, NGÀNH
(Cơ quan quản lý trực tiếp nếu có)

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở:Mã ngành

Trình độ đào tạo:.....

I. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bản tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp		Ký tên
						Tuyển dụng (7)	Hợp đồng (8)			Bộ (11)	Cơ sở (12)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	0920660018 79 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Nuôi trồng thủy sản	01/08/1988	X	HC158293061 873267	33	10	24	
2	Nguyễn Thị B 20/12/1971	0640710074 51 Việt Nam	PGS, 2015	TS, Hà Lan, 2009	Công nghệ chế biến thủy sản	X	15/11/2010,	HC893527818 012345	8	3	12	

						Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương						
...												

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ			Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn		
(1)	(2)	(3)	(4)	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	(9)
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Học kỳ 1, năm thứ 2	X			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
...							

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện
(kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang phụ đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *Tên bài viết*, *tên tạp san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *Tiêu đề bài viết*, *[trong] tên kỳ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phân /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phân/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

STT	Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập				Đơn vị	Ghi chú		
	Tên gọi máy, thiết bị, kỹ thuật và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phân/môn học sử dụng thiết bị			Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)